

Số: 57/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, nhằm nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, các doanh nghiệp và người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn đề ra.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải đồng bộ, kịp thời, phù hợp với định hướng, Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và tình hình thực tiễn của tỉnh trong từng giai đoạn và đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tăng cường đầu tư các nguồn lực để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, phục vụ đặc lực và có hiệu quả cao cho việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tạo tiềm lực bền vững giai đoạn phát triển tiếp theo.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và thu nhập của nhân dân.

Đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển cơ bản vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần đưa Tuyên Quang nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức trung bình khá của cả nước; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Phần đầu đến năm 2030, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 40%¹

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại. Phần đầu đến năm 2030, tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt trên 35%, trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%.²

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống; hàng năm có trên 60% đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, thủy sản và các sản phẩm chủ lực của tỉnh; khoảng 10% cho lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn; khoảng trên 20% cho các lĩnh vực khác. Phần đầu đến năm 2030, trên 60% các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn so với tổng nhiệm vụ triển khai.

¹. Năm 2020, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 33,9%.

². Giai đoạn 2016-2020, tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt 18,9%.

Tổng vốn đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 2% GRDP của tỉnh vào năm 2030. Phấn đấu bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ đạt khoảng 1,5% tổng chi ngân sách tỉnh hàng năm vào năm 2030.³

Phấn đấu đến 2030 có 05-07 sáng chế/giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ.

Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: Phấn đấu đến 2030 kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh. Phát triển công nghệ thông tin góp phần tăng năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8%/năm.

Tỷ lệ tăng tổng giá trị chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Phấn đấu đến năm 2030 thực hiện chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu cho 5-7 doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2030, thành lập ít nhất 2-3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Phát triển từ 30-50 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Đến 2030, có thêm 30 doanh nghiệp thành lập Quỹ khoa học và công nghệ. Thành lập Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo; hình thành một số khu vực sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường và mang lại giá trị gia tăng cao cho người sản xuất.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.1. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh

Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế-xã hội; đảm bảo hệ thống thiết chế, cơ chế chính sách và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ.

Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH&CN để từng bước đưa KH&CN trở thành động lực của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

³. Năm 2021, tổng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 0,2% tổng chi ngân sách tỉnh.

Tiếp thu, làm chủ, chuyển giao, ứng dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến của thế giới và trong nước nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; chủ động xây dựng các giải pháp, công nghệ để phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng công nghệ vào phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm chủ lực của địa phương, thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

1.2. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai đồng bộ, tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nghiên cứu, tham gia hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thích ứng với cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, từng bước phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Xây dựng cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ; đổi mới mạnh mẽ cơ chế hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu công lập; đổi mới căn bản cơ chế quản lý ngân sách nhà nước chi cho khoa học và công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển thị trường KH&CN gắn với việc xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương.

1.3. Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tiếp tục củng cố, đầu tư tiềm lực đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập hiện có trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với các định hướng ưu tiên về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên gia các lĩnh vực phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, chuyển đổi số; xây dựng và thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù đối với cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ trẻ tài năng. Thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao về làm việc tại tỉnh; khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ đi học tập nâng cao trình độ; chú trọng công tác tuyển dụng, bố trí, đánh

giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ.

Hình thành khu vực sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, phòng thí nghiệm gắn với các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên; phát triển và nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin khoa học và công nghệ theo hướng chuyển đổi số.

1.4. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp thúc đẩy việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến cùng với nâng cao năng lực tiếp nhận và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, triển khai chuyển đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ.

Tham gia Chương trình phát triển thị KH&CN theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Hình thành quỹ phát triển KH&CN của các doanh nghiệp để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, nhân rộng ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

Gia tăng số lượng, chất lượng và hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, chú trọng phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp cùng với việc tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc xây dựng kịp thời tiêu chuẩn cơ sở đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo đảm phát triển tài sản trí tuệ và tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa là công cụ hữu hiệu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới.

2. Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học

2.1. Khoa học nông nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp; thúc đẩy phát triển công nghệ chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng của địa phương; ứng dụng công nghệ chăm sóc, theo dõi các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các phòng thí nghiệm gắn với các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh; trong đó đặc biệt tập trung nghiên cứu, phát triển về cây, con giống chủ lực của tỉnh như cây lương thực (lúa, ngô), cây có múi (cam, bưởi), cây chè, cây mía, cây lạc, cây lâm

nghiệp và cây dược liệu..., con trâu, con lợn và con cá đặc sản, giúp hình thành vùng nguyên liệu có năng suất lớn, chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả, giá trị các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa, đưa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh phát triển hiệu quả, bền vững.

2.2. Khoa học xã hội và nhân văn

Tập trung nghiên cứu xác lập, cung cấp các luận cứ khoa học, luận giải cơ sở thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách và kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu đặc điểm hình thành, vận động và phát triển văn hóa, dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh và sự tác động của các xu thế mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh gắn với khai thác các tiềm năng phát triển du lịch.

Phát triển giáo dục và đào tạo, hình thành con người Tuyên Quang trong thời đại mới với tư cách là chủ thể xã hội, phát triển toàn diện, mang đậm tính nhân văn và các giá trị văn hóa tốt đẹp, có chuyên môn, kỹ năng, khả năng sáng tạo, đổi mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm phát huy đầy đủ lợi thế, khắc phục tối đa các hạn chế trong quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa và hội nhập; nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính, giáo dục và đào tạo; đổi mới cơ chế, chính sách, cải cách hành chính; tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật đến người dân.

2.3. Khoa học tự nhiên

Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng nguyên nhân, tác động của thiên tai, quá trình biến đổi khí hậu làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường để tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo.

3. Định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ

3.1. Công nghệ thông tin và truyền thông

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và hình thành các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh có năng lực cạnh tranh cao.

Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, tập trung vào các công nghệ mới gắn với xây dựng và hình thành các cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, tạo ra những sản phẩm, thiết bị và các tiện ích thông minh ứng dụng trong sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, quản lý xã hội và đời sống trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu làm chủ lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng để bảo đảm an ninh, lợi ích của các tổ chức và người dân, ngăn chặn hiệu quả các cuộc tấn công trên không gian mạng.

Chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực làm chủ, hấp thụ, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiến tới sáng tạo, tự chủ công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị cho mạng viễn thông, mạng di động, thiết bị đầu cuối 5G và thế hệ sau 5G.

3.2. Công nghệ sinh học

Trong chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán và điều trị bệnh, chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới để chữa trị các loại bệnh hiểm nghèo; nghiên cứu, phát triển nguồn dược liệu trên địa bàn tỉnh; đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất các loại thuốc, thực phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Trong nông nghiệp, tập trung vào công nghệ sinh học để tạo các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái, biến đổi khí hậu ở Tuyên Quang; bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen quý hiếm; ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ chế biến thức ăn chăn nuôi, thuốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh; chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

Trong công nghiệp chế biến, tập trung vào nghiên cứu chế tạo các chế phẩm sinh học phục vụ chế biến thực phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa, làm chủ quy trình công nghệ, chế tạo được các thiết bị đồng bộ trong công nghiệp sinh học.

3.3. Công nghệ chế tạo - tự động hóa

Tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ chế tạo - tự động hóa tiên tiến, thông minh bao gồm công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền đồng bộ trong thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản; công nghệ chế tạo các hệ thống thiết bị tiết kiệm năng lượng; công nghệ in 3D; công nghệ tự động hóa đo lường và xử lý thông tin, điều khiển tự động các quá trình sản xuất.

3.4. Công nghệ phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Nghiên cứu ứng dụng, làm chủ công nghệ trong dự báo tác động của biến đổi khí hậu lên hệ thống tự nhiên và xã hội, công nghệ về giảm phát thải khí nhà kính, công nghệ trong nhận dạng, dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai, lũ quét, cháy rừng tại những vùng nguy cơ cao trên địa bàn tỉnh.

3.5. Công nghệ năng lượng

Nghiên cứu ứng dụng, làm chủ các công nghệ năng lượng mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; thực hiện quản lý và sử dụng bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân, đặc biệt là trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp và môi trường.

3.6. Công nghệ môi trường

Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, công nghệ tái chế chất thải với tính năng, giá thành phù hợp với điều kiện của Tuyên Quang. Phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại tái chế chất thải, sử dụng bền vững tài nguyên và phục hồi môi trường.

3.7. Công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh

Nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ kỹ thuật và các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đô thị thông minh.

4. Định hướng hoạt động đổi mới sáng tạo

4.1. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành nông nghiệp

Thúc đẩy phát triển công nghệ chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng của địa phương; ứng dụng công nghệ chăm sóc, theo dõi các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; tập trung đầu tư vào các khu nông nghiệp công nghệ cao, dự án sản xuất quy mô lớn, triển khai các mô hình canh tác tiên tiến hiệu quả theo chuẩn; phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông nghiệp.

Tập trung ứng dụng các công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ tự động hóa để xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của tỉnh.

Tham mưu hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị ngành

hàng, các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh góp phần vào gắn kết giữa phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống cho người dân.

4.2. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông

Đẩy mạnh hoạt động đổi mới công nghiệp, dây chuyền thiết bị, máy móc trong sản xuất công nghiệp; hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo gắn với các cụm liên kết ngành, ưu tiên các ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao, như: Các ngành tự động hóa, phát triển công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến;..., thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ ưu tiên của tỉnh.

4.3. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành dịch vụ

Triển khai ứng dụng rộng rãi và mạnh mẽ các nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các mô hình kinh doanh mới trong các hoạt động dịch vụ, du lịch, kinh doanh, dịch vụ công. Xây dựng các tiêu chuẩn, khung pháp lý, cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp kinh doanh dựa trên nền tảng số, doanh nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ và dịch vụ số.

Hỗ trợ đào tạo quản lý, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tư vấn lựa chọn công nghệ phù hợp, hỗ trợ đào tạo vận hành và áp dụng vào sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ các doanh nghiệp kết nối, sử dụng chung hạ tầng và chia sẻ dữ liệu để tối ưu hóa mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ, để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính; chuyển đổi số quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Tập trung phát triển các sản phẩm địa phương theo các lĩnh vực tỉnh có thế mạnh như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ,... tham mưu triển khai thực hiện một số dự án, chương trình khoa học và công nghệ có quy mô lớn trong một số lĩnh vực trọng điểm, có thế mạnh và có tiềm năng nhằm giải quyết những vấn đề đặc biệt quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo gắn với khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả phối hợp đồng bộ trong xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tinh gọn bộ máy, tập trung vào việc hoạch định cơ chế, chính sách và định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các cấp.

2. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh gắn kết với sự phát triển của vùng và trong cả nước; tập trung đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị, các cụm liên kết ngành; các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thành lập Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện của tỉnh; Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo để đáp ứng yêu cầu triển khai các dịch vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và đầu tư nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài nước.

Hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Tuyên Quang, các tổ chức khoa học và công nghệ để trở thành các đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

3. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tăng cường, nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của xã hội, nhất là từ doanh nghiệp để tăng tiềm lực cho

hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước tài trợ, đảm bảo thuận lợi trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

Tạo thuận lợi khuyến khích các doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ, sử dụng hiệu quả kinh phí của quỹ đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Phát triển các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh

Phát triển trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh. Hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để trở thành đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và phối hợp đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ, triển khai các mô hình, giải pháp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả chuyển đổi cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp theo hướng tự chủ, tự bảo đảm chi phí hoạt động trên cơ sở đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính và nhân sự.

5. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao

Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học). Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao. Triển khai thực hiện các chính sách đào tạo, trọng dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực

chất lượng cao cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách thu hút các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc, tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Đưa đào tạo kiến thức về quản lý và kinh tế, về đổi mới sáng tạo, về khởi nghiệp, về sở hữu trí tuệ, về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề. Thúc đẩy chi cho phát triển nhân lực từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, ưu đãi về tín dụng cho đào tạo nhân lực.

6. Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nghiên cứu phát triển các khu công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các khu làm việc chung, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, phòng thí nghiệm, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống.

Đầu tư phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm trên địa bàn tỉnh; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở xây dựng và vận hành các nền tảng số kết nối, tăng cường liên kết hiệu quả giữa các địa phương, các cơ sở nghiên cứu.

7. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin công nghệ trong nước và quốc tế. Cung cấp các công cụ và dịch vụ phân tích thông tin và dự báo xu hướng phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Thúc đẩy, phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tập trung triển khai các giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ, các giải pháp thúc đẩy đầu ra cho sản phẩm của doanh nghiệp. Tiếp tục

nâng cao môi trường cạnh tranh trong thương mại, nâng cao tiêu chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ lưu hành trong nước, hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ, kịp thời ban hành các tiêu chuẩn mới ứng với công nghệ mới, đổi mới hoạt động hỗ trợ về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, triển khai các cơ chế, chính sách để hình thành, phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Tăng cường hỗ trợ hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm thúc đẩy liên kết các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các doanh nghiệp. Xây dựng mạng lưới tư vấn viên tư vấn trực tiếp cho các doanh nghiệp về quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp thông qua các hiệp hội.

8. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ, triển khai các mô hình, giải pháp đổi mới sáng tạo, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế hướng vào hỗ trợ một số lĩnh vực khoa học và công nghệ của tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm học hỏi, chuyển giao các mô hình về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiên tiến phục vụ nâng cao năng lực của bộ máy quản lý các cấp.

9. Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội; quy định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước phải truyền thông, phổ biến rộng rãi kết quả trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về doanh nghiệp có doanh thu tạo ra từ sản xuất - kinh doanh hình thành từ kết quả hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao giá trị thương hiệu, tạo uy tín đối với người tiêu dùng, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đẩy

manh truyền thông và hỗ trợ của nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của người dân.

Nghiên cứu, đề xuất các giải thưởng dành cho hoạt động đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích, hỗ trợ thanh, thiếu niên nâng cao hiểu biết về khoa học và công nghệ và định hướng nghề nghiệp vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Mở rộng, nâng cao chất lượng và tăng cường truyền thông, khuyến khích đầu tư xã hội cho các cuộc thi, sân chơi về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho trẻ em, thanh thiếu niên.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn kinh phí huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi sự nghiệp khoa học, sự nghiệp kinh tế, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình, đề án, dự án đầu tư đoạn 2021 -2030.

- Kinh phí vận động, huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và kinh phí hợp pháp khác.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan thường trực, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; định kỳ tham mưu báo cáo kết quả hàng năm; tổ chức sơ kết vào cuối năm 2025 và tổng kết vào cuối năm 2030.

Tổ chức xây dựng và thực hiện các kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, hàng năm phù hợp với Kế hoạch này; tham mưu đề xuất các chương trình, nhiệm vụ, chính sách ưu đãi để khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Ưu tiên bố trí nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các dự án xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các trường chuyên nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các phòng thí nghiệm và Trung tâm Đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương.

Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo. Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Sở Tài chính

Tham mưu cân đối ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh, bảo đảm theo kế hoạch hàng năm để tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tham mưu nội dung theo thẩm quyền về cơ chế, chính sách về tài chính tạo động lực cho các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu, đề xuất đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp; thúc đẩy phát triển công nghệ chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng của địa phương; ứng dụng công nghệ chăm sóc, theo dõi các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; hình thành khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các phòng thí nghiệm gắn với các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.

Tham mưu hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị ngành hàng, các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh góp phần vào gắn kết giữa phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống cho người dân.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM) trong các trường mầm non và phổ thông; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giáo viên học sinh trung học trên địa bàn tỉnh để tạo phong trào học tập, nghiên cứu và hình thành các ý tưởng sáng tạo, phát triển tư duy nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới trong học tập và khởi nghiệp.

Tăng cường giáo dục tích hợp kiến thức về khoa học, công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, kỹ năng sáng tạo trong các trường phổ thông. Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật trong các trường phổ thông.

6. Sở Công Thương

Tăng cường hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động đổi mới dây chuyền thiết bị, máy móc trong sản xuất công nghiệp thông qua chương trình khuyến công; tham gia phối hợp đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án công nghiệp, trong đó ưu tiên các ngành công nghiệp mới, công nghiệp có công nghệ cao, như: Các ngành tự động hóa, phát triển công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến;..., thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ của tỉnh.

7. Sở Nội vụ

Thường xuyên rà soát, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về đào tạo, thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh (trong đó có đối tượng nhà khoa học, chuyên gia về công tác tại tỉnh).

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu thực hiện xây dựng và phát triển các nền tảng, giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hình thành các cơ sở dữ liệu để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển các doanh nghiệp kinh doanh dựa trên nền tảng số, doanh nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ và dịch vụ số.

Phát huy tính hiệu quả của các phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thông mới, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

10. Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và phối hợp, tổ chức đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các hoạt động

nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và khu vực.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ, triển khai các nghiên cứu, mô hình, giải pháp có tính ứng dụng cao và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

11. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và đổi mới, sử dụng các giải pháp công nghệ (công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số, công nghệ tiên tiến, công nghệ tự động hóa và công nghệ thông tin...) giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thành lập Quỹ khoa học và công nghệ, bộ phận nghiên cứu-phát triển và hưởng các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp.

12. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp có liên quan trong Chiến lược vào kế hoạch 05 năm, hàng năm của cơ quan, địa phương. Bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương (*cấp huyện*) để ưu tiên thực hiện các nội dung liên quan trong Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Các Tổ chức: Chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội,... Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực tuyên truyền và thực hiện các nội dung liên quan trong Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền sâu rộng nội dung Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Có biểu nội dung chi tiết kèm theo)

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Theo dõi, tổng hợp các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện (*gửi qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp*).

Yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phải kịp thời tổng hợp và gửi ý kiến (bằng văn bản) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh (P/hợp);
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Cường).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương